TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 03 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa:

1. ***Nguyên đơn***: Ông **Hoàng Văn Ph**; Sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Bà **Cao T**; Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

3.2. Ông: **Lưu Ng;** Sinh năm: 1952;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 là hoàn

toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông **Hoàng Văn Ph** và bà **Cao T**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Hoàng Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Hoàng L; sinh ngày 10/05/2011 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Bà Cao T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Hoàng A; sinh ngày 21/04/2007 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Ông Hoàng Văn Ph, bà Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về nợ chung:

+ Ông Hoàng Ph có trách nhiệm trả:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền nợ gốc là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

- Ông Lưu N số tiền 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng.

+ Bà Cao T có trách nhiệm trả:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu) đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.4 Về án phí*:* Ông Hoàng Văn Ph phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nợ chung. Tổng số tiền án phí ông Ph phải nộp là: 5.350.000 (Năm triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông Hoàng Văn Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/00033843 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Số tiền án phí sơ thẩm còn lại ông Hoàng Văn Ph phải nộp là: 5.050.000 (Năm triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã T, H. H, T. Thanh Hóa.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thúy Phượng